

Số: 114/2025/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: anh **Nguyễn Huyền C**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: chị **Lê Thị H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật HN&GD

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Huyền C và chị Lê Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh C và chị H đều xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2003; cháu Nguyễn Thùy A, sinh ngày 05/6/2009; cháu Nguyễn Huyền T, sinh ngày 19/01/2014 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/5/2021. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thùy D đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên anh C, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chấp nhận sự tự thỏa thuận giữa anh C và chị H, để anh C nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huyền T, cháu Nguyễn Thị Kim N; chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy A kể từ tháng 12/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Các bên được quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Anh C, chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H, anh C trong việc thăm hỏi, chăm sóc con chung.

2.2 Về tài sản chung; công sức; công nợ: Anh C, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh C, chị H mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng)

Chấp nhận sự tự thỏa thuận của anh C và chị H, để anh C nộp toàn bộ khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh C được đối trừ tiền án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002877 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho anh C số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 6 – Ninh Bình
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình
- UBND phường Đ.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tươi